

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 99/2021/HS-ST

Ngày: 26-11-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ B VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - D phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ B VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1/ Ông Lê Văn Kiệt.

2/ Bà Cao Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Yến Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 113/2021/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1982,

Nơi ĐKNKTT: Số 3/118, đường Thành Thái, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp V, xã X, huyện Z, tỉnh Tiền Giang; số CMND: 023462515; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn F và bà Nguyễn Thị G; bị cáo chưa có con; tiền sự: không có; tiền án: 01 lần. Ngày 21/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện L, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 18/02/2020, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị bắt tạm giữ: ngày 10/7/2021; Tạm giam: ngày 13/7/2021 đến nay. Bị cáo “Có mặt”.

2/ Bị cáo **Nguyễn Hoài A**, sinh năm 1994,

Nơi cư trú: Số 345, Ấp S, xã J, thành phố K, tỉnh Tiền Giang. số CMND: 312206936; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị Anh O; bị cáo có một con sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: không có.

Bị bắt tạm giữ: ngày 10/7/2021; Tạm giam: ngày 13/7/2021 đến nay. Bị cáo “Có mặt”.

*** Người bị hại:** Anh **Tăng Lê Phúc C**, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 62 Ấp Bắc, Phường U, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

*** Người có quyền lợi, B vụ liên quan:**

1/ Anh **Phạm Văn D**, sinh năm 1974 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 116, Ấp I, xã J, thành phố K, Tiền Giang.

2/ Anh **Thạch Văn E**, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp Y, xã J, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 09/7/2021, Nguyễn Hoài A điều khiển xe mô tô biển số 63B9-912.18 của A đến gặp Nguyễn Văn B để cầm xe mô tô cho B với giá 3.500.000 đồng. Sau khi gặp, B nhờ A chở đến Phường 6, thành phố K để lấy tiền. Khi lưu thông trên đoạn đường Ấp Bắc, B nhìn thấy xe mô tô biển số 63K4-0685 của anh Tăng Lê Phúc C dựng trước nhà không người trông coi, trên xe có sẵn chìa khóa nên B nảy sinh ý định trộm cắp. B liền rủ A trộm xe thì được A đồng ý. A quay đầu xe và đứng cách xe của anh C khoảng 05 mét để cảnh giới. B đi đến lên lút mở khóa xe mô tô biển số 63K4-0685 và chạy về nhà trọ tại Ấp V, xã X, huyện Z, tỉnh Tiền Giang cất giấu, còn A điều khiển xe mô tô biển số 63B9-912.18 chạy phía sau B. Sau khi trộm được xe, B tháo rời hai bửng, mặt nạ của xe đem cất giấu tại nhà trọ số 31, Ấp V, xã X, huyện Z, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 10/7/2021, B và A bị bắt giữ.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 358/KL-HĐĐGTS ngày 12/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Future màu ghi biển số 63K4-0685 trị giá 18.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 114/CT-VKSMT ngày 27/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B và bị cáo Nguyễn Hoài A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B và bị cáo Nguyễn Hoài A thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, về hình phạt, xử lý vật chứng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, phân tích các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; bị cáo A từ 06 tháng đến 09 tháng tù; đối với xe mô tô biển số 63B9-912.18 đề nghị tịch thu sung vào ngân sách, đối với quần jeans và áo sơ mi bị cáo B không yêu cầu được nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, B vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi, B vụ liên quan, vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 09/7/2021, bị cáo B và bị cáo A đã có hành vi lén lút trộm xe mô tô của anh C trị giá 18.000.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật A vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm thỏa mãn lợi ích cá nhân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ do hành vi của các bị cáo gây ra nhằm giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công phối hợp chặt chẽ nên chỉ là hình thức đồng phạm giản đơn.

Bị cáo B là người rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; ngoài ra, bị cáo B có một tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo A là người giữ vai trò giúp sức, bị cáo A có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo A được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm I khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô hiệu Wave S, biển số 63B9-912.18 là tài sản của bị cáo A, do anh Phạm Văn D mua cho bị cáo A tại cửa hàng của anh Thạch Văn E; ngày 09/7/2021, bị cáo A sử dụng xe mô tô làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với 01 (một) quần jeans và áo sơ mi là tài sản cá nhân của bị cáo B, tuy nhiên tại phiên toà, bị cáo B không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và xử lý vật chứng là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử. Tuy nhiên, mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo B là cao nên cần điều chỉnh lại mới tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo B.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B và bị cáo Nguyễn Hoài A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt là ngày 10/7/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 50; điểm s và điểm i khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ Luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài A 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt là ngày 10/7/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Wave S, biển số 63B9-912.18.

Tịch thu tiêu huỷ 01 (một) quần jeans và 01 (một) áo sơ mi.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2021 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Văn B và bị cáo Nguyễn Hoài A mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, B vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP K, Tiền Giang;
- Chi cục THADS TP K, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư Pháp;
- Bị cáo;
- Lưu (15b)

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy